

Số: 6851 /VD-VTTBYT
V/v yêu cầu báo giá vật tư y tế

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp trang thiết bị y tế

Hiện nay, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp các vật tư y tế, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế - Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức; Số 40 - Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội. Thông tin cần giải đáp xin liên hệ:

3. Bệnh viện tiếp nhận báo giá đồng thời theo 2 hình thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư - Thiết bị y tế - Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức; Số 40 - Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội (KS: Chu Tuấn Anh - 0966925296)
- Nhận qua thư điện tử theo địa chỉ e-mail: vietchospitalmuasam@gmail.com

(Lưu ý: Các Đơn vị phải gửi báo giá đồng thời theo 2 hình thức nêu trên và trong báo giá ghi rõ số công văn yêu cầu báo giá)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 09h00 ngày 31 tháng 12 năm 2024 đến trước 07h30 ngày 13 tháng 01 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 13 tháng 01 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục các vật tư y tế. *(Chi tiết danh mục tại phụ lục 2 đính kèm)*
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: tại Kho vật tư kỹ thuật cao - Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 02 ngày kể từ khi có yêu cầu.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Căn cứ vào số lượng gọi hàng, bên bán hàng thực hiện việc xuất hóa đơn thuế GTGT kèm biên bản bàn giao nghiệm

thu hàng hóa, giao cho bên mua hàng làm cơ sở để thanh toán, thời gian thanh toán tối đa 90 ngày kể từ khi bên bán hàng cung cấp đầy đủ chứng từ hợp lệ theo quy định cho bên mua hàng.

5. Các thông tin khác

○ Đăng ký kinh doanh; Tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế căn cứ theo Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP; Số điện thoại/ Email của đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp Bệnh viện cần liên lạc.

- Bảng chào giá (theo mẫu đính kèm tại phụ lục 01 của công văn này);
- Niêm yết giá (nếu có);
- Catalog, hợp đồng tương tự (nếu có), cấu hình và tính năng kỹ thuật của vật tư và các tài liệu khác liên quan;
- Lưu ý: Yêu cầu quý công ty cung cấp thông tin đơn giá của các mặt hàng trong nội dung báo giá của mình trong trường hợp bệnh viện cần thay đổi số lượng cần mua sắm.

Rất mong nhận được sự tham gia của các đơn vị cung cấp trang thiết bị y tế.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- CTXH (Để đăng tải);
- Lưu VT, VT-TBYT.

vt

**TL.GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VT-TBYT**



Hoàng Bảo Anh

PHỤ LỤC 01: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: 685/VD-VTTBYT ngày 31 tháng 12 năm 2024)

Hà nội, ngày ____ tháng ____ năm 2024

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

Trên cơ sở yêu cầu báo giá theo Công văn số..... ngày/...../2024 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn vị tính	Đơn giá (VND) (Chưa bao gồm VAT)	Thuế VAT (%)	Đơn giá (VND) (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền ⁽¹⁾ (VND) (Đã bao gồm VAT)
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm...[ghi ngày....tháng....năm.... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.
- Có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm sẵn sàng tham dự thầu và cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của bệnh viện.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC VẬT TƯ

(Kèm theo công văn số: 685/VD-VTTBYT ngày 31/12/2024 về việc yêu cầu báo giá vật tư y tế)

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
1	Bộ bơm bóng áp lực cao	Dung tích của nòng ống bơm ≥ 20 ml. Chất liệu nhựa cứng trong suốt. Bộ bao gồm van chữ Y, đường kính lòng 10Fr (Sai số $\pm 5\%$). Áp lực bơm tối đa ≥ 30 atm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn.	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	140
2	Bộ dẫn lưu loại I	Dùng để dẫn lưu dịch từ đường mật, dẫn lưu mở thông thận, ổ áp xe Bộ bao gồm: 01 Ống thông, 01 kim dẫn đường trocar, 01 kim chọc trocar, 01 bộ đuôi thẳng Pigtail. Ống thông: - Chất liệu bằng Polyurethane, phủ ngoài lớp ái nước. - Đầu cong dạng Pigtail, loại 2 đầu, có khóa. - Có tối thiểu 17 lỗ thoát dịch. - Có điểm đánh dấu cân quang. - Đường kính từ ≤ 9 Fr đến ≥ 14 Fr, gồm tối thiểu 4 loại. - Chiều dài 400mm (sai số $\pm 5\%$). - Đóng gói tiệt trùng sẵn.	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	200
3	Bộ dẫn lưu loại II	Dùng để dẫn lưu dịch từ đường mật, dẫn lưu mở thông thận, ổ áp xe Bộ bao gồm: 01 ống thông, 01 kim dẫn đường trocar, 01 kim chọc trocar, 01 bộ đuôi thẳng Pigtail. Ống thông: - Chất liệu Polyurethane, phủ ngoài lớp ái nước. - Đầu cong có dạng Pigtail, loại 1 đầu, có khóa. - Có tối thiểu 3 lỗ thoát dịch. - Có điểm đánh dấu cân quang. - Đường kính từ ≤ 6 Fr đến ≥ 16 Fr, gồm tối thiểu 8 loại. - Chiều dài từ ≤ 200 mm đến ≥ 300 mm, gồm tối thiểu 4 loại. - Đóng gói tiệt trùng sẵn.	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	5.000
4	Bộ dẫn lưu loại III	Dùng để dẫn lưu dịch từ đường mật, dẫn lưu mở thông thận, ổ áp xe Bộ bao gồm: 01 Cannula cứng, 01 Cannula mềm, 01 kim trocar và 01 catheter dẫn lưu. Ống thông: - Chất liệu Polyurethane, phủ ngoài lớp ái nước. - Đầu cong có dạng Pigtail, loại 1 đầu, có khóa. - Có tối thiểu 6 lỗ thoát dịch. - Có các điểm đánh dấu cân quang. - Đường kính từ ≤ 6 Fr đến ≥ 16 Fr, gồm tối thiểu 6 loại. - Chiều dài từ ≤ 180 mm đến ≥ 210 mm, gồm tối thiểu 3 loại. - Đóng gói tiệt trùng sẵn.	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	200
5	Bộ kim chọc sinh thiết gan qua tĩnh mạch cánh trong	Bộ bao gồm: 01 kim sinh thiết, 01 Bộ ống thông dẫn đường vào lòng mạch, 01 ống thông thẳng, 01 ống thông cong, 04 thanh gạt bóng loại bỏ mô. Kim sinh thiết: - Đầu kim gồm tối thiểu các cỡ 18G và 19G. - Chiều dài làm việc 500mm (Sai số $\pm 5\%$) - Đóng gói tiệt trùng sẵn.	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	10

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng-kế hoạch
6	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu loại dài (Long sheat)	<p>Bộ bao gồm: 01 Bộ ống thông dẫn đường vào lòng mạch, 01 Van cầm máu, 01 Dụng cụ nong lòng mạch, 01 Van đóng 3 chiều.</p> <p>Ống thông dẫn đường và lòng mạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính từ $\leq 4F$ đến $\geq 8F$. - Chiều dài từ $\leq 450mm$ đến $\geq 1200mm$ - Tương thích với dây dẫn cỡ 0.035" - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	300
7	Bộ mở thông vào lòng động mạch quay	<p>Bộ bao gồm các thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Kim luồn cỡ 20G. - 01 Guidewire bằng chất liệu nhựa, đường kính 0.025" (Sai số $\pm \leq 5\%$). - 01 Bơm tiêm 2.5ml. - 01 Introducer Sheath phù hợp tối thiểu hai loại 5F và 6F, chiều dài 100mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - 01 Dilator (que nong). - 01 Van cầm máu. - 01 Dao rạch da. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	600
8	Bộ mở thông vào lòng mạch đùi các cỡ loại I	<p>Bộ bao gồm các thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Kim chọc mạch cỡ 18G. - 01 Guide wire bằng chất liệu nhựa, đường kính cỡ 0.035" (Sai số $\pm \leq 5\%$), chiều dài 450mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - 01 Bơm tiêm 2.5ml. - 01 Introducer sheath phù hợp tối thiểu từ $\leq 4F$ đến $\geq 8F$, gồm 5 loại, chiều dài 100mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - 01 Dilator (que nong). - 01 Van cầm máu. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	2.400
9	Bộ mở thông vào lòng mạch đùi cỡ loại II	<p>Bộ bao gồm các thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Kim chọc mạch cỡ 18G. - 01 Guide wire bằng chất liệu nhựa, đường kính cỡ 0.035" (Sai số $\pm \leq 5\%$), chiều dài 450mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - 01 Bơm tiêm 2.5ml. - 01 Introducer sheath phù hợp tối thiểu 2 loại 9Fr và 10Fr, chiều dài 100mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - 01 Dilator (que nong). - 01 Van cầm máu. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	40
10	Bóng chèn cổ túi phình mạch não đoạn thẳng loại I	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng chèn cổ túi phình mạch não loại 2 nòng. Chỉ định cho các trường hợp cổ túi phình mạch não cổ rộng. Thiết kế dạng balloon catheter, rỗng nòng. - Bóng có phủ Hydrophilic. Đường kính 4mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). Chiều dài $\leq 10mm$ đến $\geq 20mm$. - Chiều dài đầu xa 5mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	30

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
11	Bóng chèn cổ túi phình mạch não đoạn thẳng loại II	<p>Bao gồm: Ống thông có gắn bóng loại 1 nòng, chỉ định cổ túi phình mạch não cổ rộng mạch thẳng.</p> <p>Ống thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính đầu gần 2.8F (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính đầu xa 2.2F (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Chiều dài làm việc 1500mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). <p>Bóng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính bóng 4mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Chiều dài bóng 15mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Tương thích với vi dây dẫn 0.010" - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	60
12	Bóng chèn cổ túi phình mạch não đoạn cong loại I	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng chèn cổ túi phình mạch não loại 2 nòng. Chỉ định cho các trường hợp cổ túi phình mạch não cổ rộng, vị trí ngã ba lòng mạch. Thiết kế dạng balloon catheter, rỗng lòng. - Bóng có phủ Hydrophilic. Đường kính 4mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). Chiều dài trong khoảng 10mm đến 11mm. - Chiều dài đầu xa 5mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	4
13	Bóng chèn cổ túi phình mạch não đoạn cong loại II	<p>Bao gồm: Ống thông có gắn bóng loại 1 nòng, chỉ định cổ túi phình mạch não cổ rộng, vị trí ngã ba lòng mạch.</p> <p>Ống thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính đầu gần 2.8F (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính đầu xa từ $\leq 2.2F$ đến $\geq 3F$. - Chiều dài làm việc 1500mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). <p>Bóng chèn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính từ $\leq 3mm$ đến $\geq 7mm$. - Chiều dài bóng từ $\leq 7mm$ đến $\geq 20mm$. - Tương thích với dây dẫn 0.010" - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	10
14	Giá đỡ (Stent) đóng mạch cảnh	<p>Bao gồm: 01 Stent kèm ống thông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Stent loại tự giãn nở, chất liệu nitinol, thiết kế đầu thuôn. - Đường kính từ $\leq 6mm$ đến $\geq 10mm$. - Chiều dài từ $\leq 20mm$ đến $\geq 60mm$, gồm tối thiểu 4 loại. - Độ dài ống thông có gắn stent $\geq 1300mm$. - Tương thích với dây dẫn 0.014" - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	60
15	Giá đỡ (stent) mạch máu não dùng cho các túi phình cổ rộng	<p>Bao gồm: 01 Stent kèm marker</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Nitinol, gồm các sợi nitinol bện vào nhau dạng mắt lưới, sử dụng dùng cho các túi phình cổ rộng. - Đường kính từ $\leq 3.0mm$ đến $\geq 6.0mm$. - Chiều dài từ $\leq 15mm$ đến $\geq 40mm$. - Có tối thiểu 3 điểm marker ở đầu xa và có điểm cán quang suốt chiều dài thân. - Dùng cho mạch đường kính từ $\leq 2.5mm$ đến $\geq 6mm$. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
16	Giá đỡ (Stent) chẹn cổ túi phình mạch não các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> Gồm các sợi nitinol bện vào nhau thành dạng mắt lưới. Chỉ định dùng cho túi phình cổ rộng. - Đường kính từ $\leq 3.5\text{mm}$ đến $\geq 5.5\text{mm}$. - Chiều dài từ $\leq 170\text{mm}$ đến $\geq 330\text{mm}$. - Mỗi đầu có tối thiểu 4 marker và có sợi cân quang suốt chiều dài thân. - 2 đầu có thiết kế lỗ rộng. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20
17	Giá đỡ (stent) nội mạch thay đổi dòng chảy mạch não loại I	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm 2 lớp chất liệu Nitinol - Dùng đối hướng đóng chậy cho lòng mạch đường kính từ $\leq 2.0\text{mm}$ đến $\geq 5.5\text{mm}$. - Chiều dài $\leq 15\text{mm}$ đến $\geq 60\text{mm}$. - Có các điểm cân quang ở 2 đầu dụng cụ và các sợi cân quang suốt chiều dài thân. - Tương thích với các microcatheter có đường kính trong $0.021''$ (Sai số $\pm \leq 5\%$) và $0.027''$ (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	60
18	Giá đỡ (stent) nội mạch thay đổi dòng chảy mạch não loại II	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm 2 lớp Chất liệu hợp kim Cobalt Ch-omium (CoCr) phủ bên ngoài lõi sợi cân quang suốt chiều dài thân. Sợi có phủ lớp chống kết tập tiểu cầu. - Đường kính Stent từ $\leq 2.5\text{mm}$ đến $\geq 6\text{m}$. - Chiều dài Stent từ $\leq 10\text{mm}$ đến $\geq 50\text{mm}$ - Tương thích với microcatheter có đường kính trong có tối thiểu 2 cỡ $0.021''$ (Sai số $\pm \leq 5\%$) và $0.027''$ (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	440
19	Vi ống thông dùng để đặt khung giá đỡ làm thay đổi dòng chảy mạch não	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính ngoài đầu tối thiểu 2 loại 2.6Fr (Sai số $\pm \leq 5\%$) và 3.1Fr (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính ngoài đầu xa tối thiểu 2 loại 2.3Fr (Sai số $\pm \leq 5\%$) và 2.8Fr (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính trong tối thiểu 2 loại ≥ 0.021 và $\geq 0.027''$ - Chiều dài 1500mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Dùng để đặt Giá đỡ (stent) nội mạch thay đổi dòng chảy mạch não STT 18. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	460
20	Giá đỡ (stent) nội mạch thay đổi dòng chảy mạch não loại III	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Nitinol, có cân quang suốt chiều dài thân. - Đường kính Stent từ $\leq 2.5\text{mm}$ đến $\geq 8.0\text{mm}$. - Chiều dài từ $\leq 10\text{mm}$ đến $\geq 50\text{mm}$. - Dùng được cho mạch máu đường kính nhỏ hơn đường kính stent tối thiểu 1mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	160
21	Stent chẹn dòng chảy nội túi phình mạch não	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nitinol, đặt trong lòng túi phình mạch não. - Đường kính từ $\leq 4\text{mm}$ đến $\geq 11\text{mm}$, chiều cao từ $\leq 3\text{mm}$ đến $\geq 9\text{mm}$. - Có tối thiểu 2 điểm đánh dấu cân quang ở đầu gần và đầu xa. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20
22	Dụng cụ cấy stent chẹn dòng chảy nội túi phình mạch não	<ul style="list-style-type: none"> Dụng cụ cấy stent chẹn dòng chảy nội túi phình mạch não bằng xung điện, sử dụng pin. Dùng cho Stent chẹn dòng chảy nội túi phình mạch não STT 21. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20
23	Vi ống thông dùng cho Stent chẹn dòng chảy nội túi phình mạch não	<ul style="list-style-type: none"> - Vi ống thông có đầu tip mềm, thân trụ gừa và phần hỗ trợ cấu tạo bởi các sợi bện. - Đường kính trong từ $\leq 0.021''$ đến $\geq 0.033''$, gồm tối thiểu 3 loại. - Chiều dài từ $\leq 1350\text{mm}$ đến $\geq 1500\text{mm}$. - Đầu xa có tối thiểu 1 marker. - Dùng cho Stent chẹn dòng chảy nội túi phình mạch não STT 21. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	24

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
24	Khung giá đỡ (stent) mạch não tự giãn nở	<p>Dùng trong điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. Bao gồm: 01 Stent, 01 vi ống thông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Stent: + Chất liệu nitinol. + Đường kính từ $\leq 3.0\text{mm}$ đến $\geq 5.0\text{mm}$. + Chiều dài từ $\leq 15\text{mm}$ đến $\geq 30\text{mm}$. + Có thể thu hồi được sau khi thả tối thiểu 90% chiều dài Stent. - Tương thích với vi ống thông gắn bóng cường kính từ $\leq 1.5\text{mm}$ đến $\geq 4.0\text{mm}$. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	10
25	Stent phình động mạch nội sọ	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng điều trị phình cổ rộng phức tạp động mạch nội sọ. - Chất liệu nitinol. Thiết kế hình cánh hoa hoặc vương niệm. - Đường kính stent tối thiểu 2 loại 3mm (Sai số $\pm \leq 5\%$) và 4 mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Chiều dài stent $\leq 1.5\text{mm}$ đến $\geq 2.5\text{mm}$. - Có khả năng bung nở và thu hồi hoàn toàn khi chưa cắt rời bằng điện. - Tương thích với vi ống thông 0.021" - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	10
26	Khung giá đỡ (Stent) bắc cầu tạm thời cho túi phình mạch não cổ rộng	<ul style="list-style-type: none"> - Có tay cầm để điều chỉnh đường kính Stent từ $\leq 1.5\text{mm}$ đến $\geq 4.5\text{mm}$, tương thích cổ túi phình, không gây tắc dòng chảy. - Đường kính từ $\leq 1.5\text{mm}$ đến $\geq 4.5\text{mm}$. - Chiều dài stent tối thiểu 30mm. - Tương thích với vi ống thông 0.021" - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	10
27	Kim đốt sóng cao tần dùng u mô mềm, u xương dạng xương, u gan loại I	<ul style="list-style-type: none"> - Kim đốt sóng cao tần đa cực dùng đốt u mô mềm, u xương dạng xương, u gan. Bộ gồm 01 kim đốt, 01 dây dẫn nước làm mát. - Kim đốt: Chiều dài từ $\leq 100\text{mm}$ đến $\geq 250\text{mm}$, đường kính 17G(Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đầu phát năng lượng từ $\leq 10\text{mm}$ đến $\geq 30\text{mm}$. - Tương thích với máy đốt sóng cao tần model: Cool tips/ Hãng sản xuất: Covidien của Bệnh viện. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	500
28	Kim đốt sóng cao tần dùng u mô mềm, u xương dạng xương, u gan loại II	<ul style="list-style-type: none"> - Kim đốt sóng cao tần đa cực dùng đốt u mô mềm, u xương dạng xương, u gan. Bộ gồm 02 kim đốt riêng biệt, 01 dây dẫn nước làm mát. - Kim đốt: Chiều dài 150mm (Sai số $\pm \leq 5\%$), đường kính 17G(Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đầu phát năng lượng 30mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Tương thích với máy đốt sóng cao tần model: Cool tips/ Hãng sản xuất: Covidien của Bệnh viện. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	40
29	Kim đốt sóng cao tần dùng u mô mềm, u xương dạng xương, u gan loại III	<ul style="list-style-type: none"> - Kim đốt sóng cao tần đa cực dùng đốt u mô mềm, u xương dạng xương, u gan. Bộ gồm 03 kim đốt riêng biệt, 01 dây dẫn nước làm mát. - Kim đốt: Chiều dài gồm tối thiểu 2 loại 150mm (Sai số $\pm \leq 5\%$) và 250mm (Sai số $\pm \leq 5\%$), đường kính 17G(Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đầu phát năng lượng $\leq 30\text{mm}$ đến $\geq 40\text{mm}$. - Tương thích với máy đốt sóng cao tần model: Cool tips/ Hãng sản xuất: Covidien của Bệnh viện. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
30	Kim đốt sóng cao tần dùng đốt u gan, u thận, khối u mô mềm, khối u xương, u dạng xương.	<ul style="list-style-type: none"> - Kim đốt sóng cao tần dùng đốt u gan, u thận, khối u mô mềm, khối u xương. Có dây dẫn nước làm mát. - Kim đốt: chiều dài từ ≥ 70 đến ≥ 270mm, đường kính gồm tối thiểu các loại 15G, 17G và 18G. - Đầu phát nhiệt từ ≤ 10mm đến ≥ 50mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất		20
31	Kim đốt sóng cao tần dùng đốt u tuyến giáp, u vú, u sơ tử cung	<ul style="list-style-type: none"> - Kim đốt sóng cao tần dùng đốt u tuyến giáp, u vú, u sơ tử cung. Có dây dẫn nước làm mát. - Kim đốt chiều dài từ ≤ 100mm đến ≥ 350mm, đường kính gồm tối thiểu hai loại 15G và 19G. - Đầu phát năng lượng từ ≤ 5mm đến ≥ 40mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	40
32	Kim đốt sóng cao tần dùng đốt u gan, u phổi.	<ul style="list-style-type: none"> - Kim đốt sóng cao tần dùng đốt u gan, u phổi. Có dây dẫn nước làm mát. - Kim đốt: chiều dài từ ≤ 70mm đến ≥ 350mm, đường kính gồm tối thiểu hai loại 15G và 18G. - Điều chỉnh được đầu phát năng lượng từ ≤ 5mm đến ≥ 30mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20
33	Kim vi sóng dùng đốt u tuyến giáp, u vú	<ul style="list-style-type: none"> - Kim vi sóng dùng đốt u tuyến giáp, u vú. Có dây dẫn nước làm mát. - Chiều dài 100mm (Sai số $\pm \leq 5\%$), đường kính 16G (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đầu phát năng lượng 3.5mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100
34	Kim vi sóng dùng đốt u gan, u phổi	<ul style="list-style-type: none"> - Kim vi sóng dùng đốt u gan, u phổi. Có dây dẫn nước làm mát. - Chiều dài từ ≤ 150mm đến ≥ 200mm, đường kính gồm tối thiểu 2 loại 14G (Sai số $\pm \leq 5\%$) và 16G (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đầu phát năng lượng tối thiểu 2 loại 10mm (Sai số $\pm \leq 5\%$) và 11mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100
35	Kim chiba can thiệp giảm đau	<ul style="list-style-type: none"> - Kim dùng để tiêm thuốc giảm đau vào đám rối tạng, phong bế thần kinh. - Chiều dài gồm tối thiểu 2 loại 150mm (Sai số $\pm \leq 5\%$) và 200mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính từ ≤ 18G đến ≥ 22G, gồm tối thiểu 5 loại. - Có vạch chia độ dài trên thân kim - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	200
36	Kim sinh thiết tiền liệt tuyến qua trực tràng	<ul style="list-style-type: none"> - Kim sinh thiết các khối u. Loại bán tự động. - Đầu cắt từ ≤ 15mm đến ≥ 20mm. - Tương thích với súng sinh thiết Model: 315s120200 Hãng/ nước Sản xuất: Pajunk/ Đức của Bệnh viện. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	500
37	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ bao gồm: 01 lưới lọc, 01 Bộ ống thông dẫn đường vào lòng mạch, 01 que nong, 01 nắp van. - Lưới lọc: Chất liệu Nitinol, thu lại được, có móc neo. - Bộ ống thông dẫn đường: Chiều dài 700mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Tương thích Guidewire 0.035". - Phù hợp với mạch máu đường kính tối đa 30mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	60
38	Ống thông dùng trong can thiệp dùng can thiệp mạch não, mạch tạng, ngoại biên	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp ngoài chất liệu polyurethane. Đoạn xa có lớp phủ ại nước Hydrophilic. - Hình dạng đầu tip gồm tối thiểu các loại: Cobra, J Curve, Yashiro type, Mani. - Đường kính ngoài 5Fr (Sai số $\pm \leq 5\%$). Đường kính trong ≥ 1mm. - Chiều dài từ ≤ 650mm đến ≥ 1000mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	2.000

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
39	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch não	<ul style="list-style-type: none"> - Ống thông dẫn đường 2 nòng đồng trục, chất liệu PTFE, đầu mềm có phủ Hydrophilic tối thiểu 150mm. - Đường kính trong của nòng ngoài gồm tối thiểu hai loại 5F(Sai số $\pm \leq 5\%$) và 6F(Sai số $\pm \leq 5\%$), chiều dài 100mm (Sai số $\pm \leq 5\%$) - Đường kính trong của nòng trong gồm tối thiểu hai loại 4F(Sai số $\pm \leq 5\%$) và 5F(Sai số $\pm \leq 5\%$), chiều dài tối thiểu 1000mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	60
40	Keo sinh học nút dị dạng động tĩnh mạch não loại I	<ul style="list-style-type: none"> Bao gồm: 2 xy lạnh. - Xy lạnh 1: Chứa chất Polymer có tính tương thích sinh học hoặc tương đương để nút dị dạng động, tĩnh mạch não. - Xy lạnh 2: Chứa chất DMSO hoặc tương đương để đóng vai trò là chất cản quang. - Mỗi xy lạnh tối thiểu 1ml - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Hộp	40
41	Keo sinh học nút dị dạng động tĩnh mạch não loại II	<ul style="list-style-type: none"> - Dung để nút dị dạng động mạch não. Bao gồm: - 01 lọ đựng chất tác mạch dung tích ≥ 1.5 ml. Thành phần Ethylene-vinyl alcohol, Di-methyl sulfoxide và Tantalum hoặc tương đương để tác mạch. - 01 lọ dung môi DMSO dung tích ≥ 1.5 ml. - Tối thiểu 03 xy lạnh dung tích 1ml. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Hộp	300
42	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch não loại I	<ul style="list-style-type: none"> Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch não, có lớp phủ trong lòng ống để giảm ma sát, lớp ngoài phủ Hydrophilic, có marker. Đầu thẳng. - Đường kính trong từ $\leq 0.017"$ đến $\geq 0.039"$. - Đường kính ngoài đầu xa gồm tối thiểu các loại $\leq 1.9F$ đến $\geq 3.0F$. - Đường kính ngoài đầu gần tối thiểu các loại $\leq 2.1F$ đến $\geq 3.6F$. - Chiều dài từ ≤ 1250mm đến ≥ 1600mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	180
43	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch não loại II	<ul style="list-style-type: none"> Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch não, có lớp phủ trong lòng ống để giảm ma sát, lớp ngoài phủ Hydrophilic có marker. Đầu gồm tối thiểu các loại 45 độ, 90 độ, chữ J. - Đường kính trong từ $\leq 0.017"$ đến $\geq 0.027"$. - Đường kính ngoài đầu gần $\leq 2.4F$ đến $\geq 3.1F$. - Đường kính ngoài đầu xa từ $\leq 1.7F$ đến $\geq 2.6F$. - Chiều dài từ ≤ 1500mm đến ≥ 1550mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	70
44	Ống thông hút huyết khối loại I	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, phủ lớp ái nước. - Đường kính trong đầu xa $\geq 0.07"$ - Đường kính ngoài đầu gần 0.0825" (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính ngoài đầu xa 0.0815" (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Chiều dài từ ≤ 1200mm đến ≥ 1300mm. Chiều dài đoạn xa 190mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20
45	Ống thông hút huyết khối loại II	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, phủ lớp ái nước. - Đường kính trong đầu xa từ $\leq 0.068"$ đến $\geq 0.072"$. - Đường kính ngoài đầu gần 0.085" (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính ngoài đầu xa 0.085" (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Chiều dài ≥ 1320mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	40

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
46	Ống thông hút huyết khối loại III	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Nitinol, phủ lớp ái nước. - Đường kính trong đầu xa $\geq 0.070"$. - Đường kính ngoài đầu gần $0.09"$ (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính ngoài đầu xa $0.09"$ (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Chiều dài $\geq 1320\text{mm}$. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20
47	Ống thông trợ giúp can thiệp loại I	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Polyamide thiết kế bện dọc thân ống chống gãy gấp, đầu ống thông có các dạng: dạng thẳng và dạng cong. - Đường kính trong $\geq 0.070"$. - Đường kính ngoài đầu gần 6F (Sai số $\pm \leq 5\%$), - Đường kính đầu xa 6F (Sai số $\pm \leq 5\%$). <p>Chiều dài từ $\leq 1000\text{mm}$ đến $\geq 1200\text{mm}$, gồm tối thiểu 4 loại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	80
48	Ống thông trợ giúp can thiệp loại II	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, được phủ lớp ái nước, có phủ sợi cân quang, đầu ống thông có dạng thẳng và đầu cong - Có 2 loại: <ul style="list-style-type: none"> + Loại 6F: Đường kính trong $\geq 0.070"$. Đường kính ngoài đầu gần 6F (Sai số $\pm \leq 5\%$), đầu xa 6F (Sai số $\pm \leq 5\%$). Chiều dài 1000mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). + Loại 8F: Đường kính trong $\geq 0.085"$. Đường kính ngoài đầu gần 8F (Sai số $\pm \leq 5\%$), đầu xa 8F (Sai số $\pm \leq 5\%$). Chiều dài từ $\leq 800\text{mm}$ đến $\geq 900\text{mm}$. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	360
49	Ống thông trợ giúp can thiệp loại III	<ul style="list-style-type: none"> Sợi nitinol chạy vòng quanh ống. Lớp trong cùng là PTFE, sợi Platinum cuộn quanh đầu ống. - Có 2 loại: <ul style="list-style-type: none"> Loại 5F: Đường kính trong $\geq 0.058"$. Đường kính ngoài $0.070"$ (Sai số $\pm \leq 5\%$). Chiều dài 1150mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). Loại 6F: Đường kính trong $\geq 0.072"$. Đường kính ngoài $0.084"$ (Sai số $\pm \leq 5\%$). Chiều dài 1150mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	14
50	Stent đường mật loại I	<ul style="list-style-type: none"> - Stent chất liệu Nitinol, sử dụng để mở thông hẹp đường mật, thân stent thiết kế dạng cell mở. - Đường kính từ $\leq 6\text{mm}$ đến $\geq 12\text{mm}$. - Chiều dài từ $\leq 30\text{mm}$ đến $\geq 150\text{mm}$. - Phù hợp với dây dẫn cỡ 0.035". - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	900
51	Stent đường mật loại II	<ul style="list-style-type: none"> - Stent chất liệu Nitinol, sử dụng để mở thông hẹp đường mật, thân stent thiết kế dạng mắt lưới, bao gồm loại có phù bọc, và loại 2 đầu. - Đường kính $\leq 8\text{mm}$ đến $\geq 10\text{mm}$. - Chiều dài từ $\leq 40\text{mm}$ đến $\geq 120\text{mm}$. - Đường kính phân lỗ từ $\leq 12\text{mm}$ đến $\geq 14\text{mm}$. - Chiều dài đoạn lỗ là 1.4mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Lực hướng tâm $\geq 1.4\text{N}$. - Phù hợp với dây dẫn cỡ 0.035". - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	200

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
52	Stent đường mật loại III	<ul style="list-style-type: none"> - Stent chất liệu Nitinol, sử dụng để mở thông hẹp đường mật, thân stent thiết kế dạng mắt lưới, loại không phủ bọc. - Đường kính $\leq 8\text{mm}$ đến $\geq 10\text{mm}$. - Chiều dài từ $\leq 40\text{mm}$ đến $\geq 120\text{mm}$. - Lực hướng tâm $\geq 1.4\text{N}$. - Phù hợp với dây dẫn cỡ 0.035". - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100
53	Stent đường mật loại IV	<ul style="list-style-type: none"> - Stent chất liệu Nitinol, sử dụng để mở thông hẹp đường mật, thân stent thiết kế dạng cell mở. - Đường kính từ $\leq 9\text{mm}$ đến $\geq 14\text{mm}$. - Chiều dài từ $\leq 20\text{mm}$ đến $\geq 80\text{mm}$ - Phù hợp với dây dẫn cỡ 0.035". - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	300
54	Bóng nong đường mật dùng để nong và đặt stent đường mật	<p>Bao gồm: 01 Bóng nong gắn liền ống thông</p> <p>Bóng nong:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính từ $\leq 3\text{mm}$ đến $\geq 12\text{mm}$. - Chiều dài từ $\leq 20\text{mm}$ đến $\geq 200\text{mm}$. - Áp lực bơm bóng danh định từ $\leq 7\text{atm}$ đến $\geq 10\text{atm}$. - Áp lực vỡ bóng lên tới 20atm. <p>Ống thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài từ $\leq 400\text{mm}$ đến $\geq 1300\text{mm}$. - Tương thích với các sheath 5F, 6F và 7F. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	160
55	Bóng nong mạch não	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong gắn với vi ống thông, dùng can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. - Bóng nong: Đường kính từ $\leq 1.5\text{mm}$ đến $\geq 4.0\text{mm}$. Chiều dài 8mm (Sai số $\pm 5\%$). Áp lực tối đa $\geq 14\text{atm}$. - Vi ống thông: Đường kính trong $\geq 0.016"$. Đường kính ngoài đầu xa 2.7F (Sai số $\pm 5\%$), đầu gần 3.7F (Sai số $\pm 5\%$). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	14
56	Stent tĩnh mạch	<p>Bao gồm: 01 Stent gắn liền ống thông</p> <p>Stent:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Stent tự giãn nở chất liệu nitinol - Đường kính $\leq 10\text{mm}$ đến $\geq 20\text{mm}$. - Chiều dài từ $\leq 40\text{mm}$ đến $\geq 150\text{mm}$. <p>Ống thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài 900mm (Sai số $\pm 5\%$). - Tương thích dây dẫn cỡ 0.035". - Tương thích với sheath 9F. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20
57	Vật liệu nút mạch [Hạt nút mạch có gắn hoá chất điều trị ung thư gan] loại I	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Poly Copolymer (Poly Sodium Acrylate Vinyl Alcohol) hoặc tương đương để điều trị ung thư biểu mô tế bào gan, ung thư di căn vào gan, ung thư trực tràng di căn vào gan. - Kích cỡ hạt từ $\leq 20\mu\text{m}$ đến $\geq 200\mu\text{m}$. - Số lượng hạt/ lọ từ ≤ 9.400 đến $\geq 2.100.000$ hạt tùy kích cỡ. - Lọ tối thiểu 10ml - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Lọ	160

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
58	Vật liệu nút mạch [Hạt nút mạch có gắn hoá chất điều trị ung thư gan] loại II	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hydrogel microsphere có khả năng tương thích sinh học hoặc tương đương chất để điều trị chống ung thư gan. - Kích cỡ hạt từ 70µm đến 500µm. - Lọ tối thiểu 2ml. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Lọ	240
59	Vật liệu nút mạch	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hydrogel, phủ polymer Polyzyene có tính tương thích sinh học có khả năng ngưng tụ doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl tối thiểu 50mg/1 ml hoặc tương đương chất để điều trị ung thư gan. - Kích cỡ hạt từ ≤ 40µm đến ≥ 100µm. - Lọ tối thiểu 2ml. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Ống	120
60	Vật liệu nút mạch [Hạt nút mạch u xơ tử cung và u phì đại tiền liệt tuyến]	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Acrylic Polymer và Gelatin hoặc tương đương để điều trị nút các khối u tăng sinh mạch máu, u xơ tử cung, viêm màng não, nút động mạch tuyến tiền liệt, nút các dị dạng động tĩnh mạch. - Kích cỡ hạt từ 40µm đến 1200µm. - Vật liệu có thể nén tạm thời lên tới ≥ 30% để đi qua vi ống thông. - Lọ tối thiểu 2ml. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Ống	400
61	Vật liệu nút mạch	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hydrogel, phủ polymer Polyzyene có tính tương thích sinh học, không tan trong dung môi hoặc tương đương để điều trị các khối u tăng sinh mạch, u xơ tử cung và các khối u ở đầu, cổ, thân và hệ xương. - Hạt nút mạch dạng hình cầu - Kích thước hạt từ ≤ 40µm đến ≥ 1.300µm. - Lọ tối thiểu 2ml - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Ống	800
62	Vật liệu nút mạch [Hạt PVA]	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần Polyvinyl Alcohol hoặc tương đương để điều trị u tăng sinh mạch máu ngoại biên, bao gồm các u xơ tử cung và dị dạng động tĩnh mạch ngoại biên. - Kích cỡ hạt từ ≤ 50µm đến ≥ 1100µm, hạt có nhiều màu sắc khác nhau. - Lọ tối thiểu 1cc - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Lọ	600
63	Vi dây dẫn can thiệp mạch ngoại biên	<p>Bao gồm: 01 Dây dẫn, 01 Dụng cụ tạo đầu tít.</p> <p>Dây dẫn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lõi bằng thép không gỉ, phủ Polyurethane resin hoặc tương đương giúp luôn dây dẻo hơn và lớp áo nước. Gồm loại đầu thẳng và cong. - Đường kính 0.016" (Sai số ± ≤ 5%). - Chiều dài từ ≤ 1350mm đến ≥ 1800mm. - Có cân quang ở đầu xa dài 30mm(Sai số ± ≤ 5%) <p>Dụng cụ tạo đầu tít: Tạo đầu tít cho dây dẫn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	2.000
64	Vi dây dẫn can thiệp mạch não loại I	<p>Vi Dây dẫn: Chất liệu thép không gỉ, phủ lớp áo nước. Đường kính 0.36mm(Sai số ± ≤ 5%), chiều dài 2000mm (Sai số ± ≤ 5%). Đầu vi dây dẫn có lò xo bằng Platinum, dài 50mm(Sai số ± ≤ 5%).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	500
65	Vi dây dẫn can thiệp mạch não loại II	<p>Vi Dây dẫn: Chất liệu thép không gỉ, phủ lớp áo nước. Đường kính 0.20mm(Sai số ± ≤ 5%), chiều dài 2000mm (Sai số ± ≤ 5%). Đầu vi dây dẫn có lò xo bằng Platinum, dài 100mm(Sai số ± ≤ 5%).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
66	Vi dây dẫn can thiệp mạch não loại III	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu gắn làm bằng thép không gỉ, đầu xa làm bằng nitinol. Có phủ lớp ái nước. - Đường kính tối thiểu 2 loại 0.010" và 0.012" - Chiều dài 3000mm (Sai số ± ≤ 5%). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100
67	Vi dây dẫn can thiệp mạch não loại IV	<ul style="list-style-type: none"> - Lõi: Đầu xa chất liệu Nitinol đầu gần chất liệu thép không gỉ; lớp vỏ bằng PTFE, phủ Hydrophilic. - Đường kính đầu gần 0.014" (Sai số ± ≤ 5%). - Đường kính đầu xa 0.012" (Sai số ± ≤ 5%), Chiều dài đầu xa 400mm (Sai số ± ≤ 5%), Chiều dài đầu xa có thể uốn được tối thiểu 10mm. - Chiều dài dây dẫn 2000mm (Sai số ± ≤ 5%). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	300
68	Vi dây dẫn can thiệp mạch não loại V	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu gần làm bằng thép không gỉ, đầu xa làm bằng nitinol. Có phủ lớp ái nước. - Đường kính tối thiểu 2 loại 0.010" và 0.012" - Chiều dài 3000mm (Sai số ± ≤ 5%). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất		100
69	Vi dây dẫn đường can thiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu lõi bằng hợp kim. - Đường kính tối thiểu các loại 0.014" (Sai số ± ≤ 5%) và 0.018" (Sai số ± ≤ 5%). - Chiều dài từ ≤ 1350mm đến ≥ 1900mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	800
70	Vi ống thông dùng can thiệp mạch máu tạng loại 1.7F	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp ngoài cùng phủ chất ái nước tối thiểu 800mm. - Đầu tít cỡ 1.7F, hình dạng gồm tối thiểu các loại: đầu thẳng, đầu cong. Có marker ở đầu tít. - Đoạn xa có đường kính ngoài 1.9Fr (Sai số ± ≤ 5%) và đường kính trong ≥ 0.018". - Đoạn gần có đường kính ngoài 2.9Fr (Sai số ± ≤ 5%) và đường kính trong ≥ 0.023". - Chiều dài ≤ 1100mm đến ≥ 1500mm, tối thiểu 3 loại. - Chịu được áp lực tối thiểu 1200psi. - Tương thích guidewire cỡ 0.016". - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	200
71	Vi ống thông dùng can thiệp mạch máu tạng loại 1.8F	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp ngoài cùng phủ chất ái nước, độ phủ từ ≤ 600mm đến ≥ 1100mm. Lớp trong lòng bằng PTFE. - Đầu tít cỡ 1.8F, hình dạng gồm tối thiểu các loại: Đầu thẳng, Đầu cong, 45 độ, Có marker ở đầu tít. - Đoạn xa có đường kính ngoài: 1.8F (Sai số ± ≤ 5%) và đường kính trong ≥ 0.017" - Đoạn gần có đường kính ngoài: 2.7F (Sai số ± ≤ 5%) và đường kính trong ≥ 0.023" - Chiều dài sử dụng từ ≤ 1100mm đến ≥ 1500mm. - Chịu được áp lực tối thiểu 1000psi. - Tương thích guidewire cỡ 0.016". - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	1.000
72	Vi ống thông dùng can thiệp mạch máu tạng loại 1.9F loại I	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp ngoài cùng phủ chất ái nước. Độ phủ từ ≤ 650mm đến ≥ 1100mm. Lớp trong lòng bằng PTFE. - Đầu tít cỡ 1.9F, hình dạng gồm tối thiểu các loại: Đầu thẳng, Đầu cong hai lần. Có marker ở đầu tít. Đầu tít dạng bút chì - Đoạn xa có đường kính ngoài 2.2Fr (Sai số ± ≤ 5%) và đường kính trong ≥ 0.019". - Đoạn gần có đường kính ngoài 2.8Fr (Sai số ± ≤ 5%) và đường kính trong ≥ 0.022". - Chiều dài sử dụng từ ≤ 1100mm đến ≥ 1500mm. - Chịu được áp lực tối thiểu 1000psi. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	200

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
73	Vi ống thông dùng can thiệp mạch máu tạng loại 1.9F loại II	<p>Thông số kỹ thuật của hàng hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp ngoài cùng phủ chất ái nước. - Đầu tip cỡ 1.9F, hình dạng gồm tối thiểu các loại: Đầu thẳng, Đầu cong, Có marker ở đầu tip. - Chiều dài từ $\leq 1150\text{mm}$ đến $\geq 1500\text{mm}$. - Đoạn xa có đường kính ngoài 2.0Fr (Sai số $\pm 5\%$), đường kính trong $\geq 1.9\text{Fr}$ - Đoạn gần có đường kính ngoài 2.8Fr (Sai số $\pm 5\%$). - Áp lực đỉnh 1000psi (Sai số $\pm 5\%$). - Tương thích guidewire tối thiểu có cỡ 0.018" - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100
74	Vi ống thông dùng can thiệp mạch máu tạng loại 2.0F	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp ngoài cùng phủ chất ái nước tối thiểu 800mm. - Đầu tip cỡ 2.0F, hình dạng loại đầu cong. Có marker ở đầu tip. - Đoạn xa có đường kính ngoài 2.0Fr (Sai số $\pm 5\%$) và đường kính trong $\geq 0.020"$. - Đoạn gần có đường kính ngoài 2.9Fr (Sai số $\pm 5\%$) và đường kính trong $\geq 0.024"$. - Chiều dài $\leq 1100\text{mm}$ đến $\geq 1500\text{mm}$, tối thiểu 3 loại. - Chịu được áp lực tối thiểu 1000psi. - Tương thích guidewire cỡ 0.018" - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	300
75	Vi ống thông dùng can thiệp mạch máu tạng loại 2.2F	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp ngoài cùng phủ chất ái nước, độ phủ từ $\leq 600\text{mm}$ đến $\geq 1100\text{mm}$. Lớp trong lòng bằng PTFE. - Đầu tip cỡ 2.2F, hình dạng gồm tối thiểu các loại: Đầu thẳng, đầu Cobra, 45 độ, Có marker ở đầu tip. - Đoạn xa có đường kính ngoài: 2.2F (Sai số $\pm 5\%$) và đường kính trong $\geq 0.021"$ - Đoạn gần có đường kính ngoài: 2.9F (Sai số $\pm 5\%$) và đường kính trong $\geq 0.027"$ - Chiều dài từ $\leq 700\text{mm}$ đến $\geq 1500\text{mm}$. - Chịu được áp lực tối thiểu 1000psi. - Tương thích guidewire cỡ 0.018" - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	3.000
76	Vi ống thông dùng can thiệp mạch máu tạng loại 2.4F	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp ngoài cùng phủ chất ái nước. Lớp trong lòng bằng PTFE. - Đầu tip cỡ 2.4F, hình dạng loại đầu thẳng. Có marker ở đầu tip. - Đường kính đầu gần 3F (Sai số $\pm 5\%$). - Đường kính trong 0.020" (Sai số $\pm 5\%$). - Chiều dài từ $\leq 1100\text{mm}$ đến $\geq 1500\text{mm}$, gồm tối thiểu 3 loại. - Chịu được áp lực tối thiểu 1000psi - Tương thích guidewire tối thiểu có cỡ 0.018" - Tương thích hạt hình cầu 700 micron hoặc hạt không hình cầu 500 micron. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	100
77	Vi ống thông dùng can thiệp mạch máu tạng loại 2.7F	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm: 01 Vi ống thông, 01 vi dây dẫn. - Vi ống thông có 3 lớp: Lớp trong phủ PTFE, lớp giữa là lớp cuộn chất liệu Vonfram hoặc tương đương để tăng độ cứng, có tính cân quang, có lớp ngoài phủ lớp ái nước. - Chiều dài từ $\leq 1300\text{mm}$ đến $\geq 1500\text{mm}$. - Đầu vi ống thông có điểm đánh dấu cân quang. - Đường kính đầu xa 2.7F (Sai số $\pm 5\%$). - Đường kính đầu gần 2.9F (Sai số $\pm 5\%$). - Vi dây dẫn có lớp cuộn bằng vàng hoặc tương đương để tăng tính cân quang, lớp áo phủ Hydrophilic, lõi bằng hợp kim nitinol. Đường kính 0.021" (Sai số $\pm 5\%$). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	600

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
78	Vi ống thông (Microcatheter)	<p>Bao gồm: Chốt khóa luer, vỏ giảm sức căng và thân ống, trục trung tâm và đầu xa có vạch đánh dấu chấn phóng xạ dễ quan sát.</p> <p>Ông thông dùng để truyền các chất điều trị, chất gây tác nghẽn và các chất lỏng như chất cản quang.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính từ $\leq 2.4F$ đến $\geq 2.8 F$. - Chiều dài từ $\leq 1050mm$ đến $\geq 1500mm$. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20
79	Vi ống thông dùng cho vòng xoắn kim loại đường kính 0.020"	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng Nitinol. - Đường kính ngoài đầu gần 3F(Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính ngoài đầu xa 2.5F(Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính trong $\geq 0.025"$ - Chiều dài từ $\leq 1500mm$ đến $\geq 1600mm$. - Đầu tip gồm tối thiểu các hình dạng: Dạng thẳng, dạng cong: 45 độ, 90 độ, 130 độ. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100
80	Vi ống thông dùng trong can thiệp dị dạng mạch não loại I	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu gần bằng sợi thép không gỉ, đầu xa có lớp Nitinol. - Đường kính trong đầu xa $\geq 0.013"$ - Đường kính ngoài đầu gần 2.7Fr (Sai số $\pm \leq 5\%$) - Đường kính ngoài đầu xa 1.5Fr (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Chiều dài 1600mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Tương thích DMSO. <p>Dùng để bơm chất tắc mạch STT 25</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100
81	Vi ống thông dùng trong can thiệp lấy huyết khối mạch não	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ, phủ hydrophilic bề mặt ngoài, lớp PTFE lót lòng trong cùng. - Đường kính trong $\geq 0.021"$ - Đường kính ngoài đầu gần 2.7F (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính ngoài đầu xa 2.4Fr (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Chiều dài 1500mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Tương thích DMSO. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	30
82	Vi ống thông dùng gắn bóng tắc mạch não	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính đầu gần 1.8F(Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính đầu xa 2.7F (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Chiều dài 1650mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100
83	Vi ống thông dùng để bơm chất tắc dị dạng mạch não phức tạp có đầu tách rời	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu gần bằng sợi thép không gỉ, đầu xa có lớp Nitinol. Có đầu tách rời được chiều dài từ $\leq 15mm$ đến $\geq 50mm$, gồm tối thiểu 3 loại. - Đường kính trong đầu xa $\geq 0.013"$ - Đường kính ngoài đầu gần 2.7Fr (Sai số $\pm \leq 5\%$) - Đường kính ngoài đầu xa 1.5Fr (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Chiều dài 1600mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Tương thích DMSO. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	60
84	Vi ống thông mềm có đầu đứt rời	<ul style="list-style-type: none"> - Vi ống thông đường kính khoảng 1.2F. - Đầu có thể tách rời, đoạn tách kích thước từ $\leq 15mm$ đến $\geq 35mm$, gồm tối thiểu 3 loại. Kèm vi dây dẫn đường kính 0.007" - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	60

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
85	Vi ống thông hút huyết khối dùng cho mạch não	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính ngoài đầu gần 4.7F (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính ngoài đầu xa 3.8F (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính trong đầu xa $\geq 0.035"$. - Chiều dài làm việc 1600mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	30
86	Vi ống thông hút huyết khối ngoại biên loại lớn các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính ngoài đầu gần 8F (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính ngoài đầu xa 8F (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính trong $\geq 6.7F$ (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Chiều dài làm việc từ $\leq 850mm$ đến $\geq 1150mm$. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	10
87	Vòng xoắn kim loại [Coil nút mạch não loại có phủ gel]	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Platinum có phủ gel tự nở. - Đường kính sợi $\leq 0.013"$ đến $\geq 0.018"$ - Đường kính coil sau khi thả từ $\leq 1.5mm$ đến $\geq 20mm$. - Chiều dài từ $\leq 20mm$ đến $\geq 500mm$. - Cát bằng xung điện. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	200
88	Vòng xoắn kim loại [Coil nút mạch não loại không phủ gel]	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Platinum. - Đường kính sợi $\leq 0.01"$ đến $\geq 0.014"$ - Đường kính coil sau khi thả từ $\leq 1mm$ đến $\geq 20mm$. - Chiều dài từ $\leq 10mm$ đến $\geq 680mm$. - Cát bằng xung điện. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	400
89	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại loại I	<ul style="list-style-type: none"> - Kim cắt tách vòng xoắn kim loại đã được tích điện sẵn. - Thời gian cắt 1 vòng xoắn ≤ 0.75 giây. - Dung cắt Vòng xoắn kim loại STT 87 và STT 88. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	30
90	Vòng xoắn kim loại [Coil nút mạch não] loại I	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Platinum. - Đường kính sợi 0.0108". - Đường kính coil sau khi thả từ $\leq 1mm$ đến $\geq 3.5mm$. - Chiều dài từ $\leq 20mm$ đến $\geq 100mm$. - Cát bằng dụng cụ cơ học - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	400
91	Vòng xoắn kim loại [Coil nút mạch não] loại II	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Platinum. - Đường kính sợi từ $\leq 0.0115"$ đến $\geq 0.0145"$. - Đường kính coil sau khi thả từ $\leq 1.5mm$ đến $\geq 25mm$. - Chiều dài từ $\leq 20mm$ đến $\geq 500mm$. - Cát bằng dụng cụ cơ học - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	700
92	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại loại II	<ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại bằng cơ học. - Vỏ bằng chất dẻo, dạng hình trụ. - Cát được tối thiểu 20 coil liên tục. - Dùng để cắt Vòng xoắn kim loại [Coil nút mạch não] loại STT 90 và STT 91. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	10

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
93	Vi ống thông dùng để nút coil, đầu cong	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nitinol, bề mặt tráng trơn nhẵn, thân có các vòng lò xo. - Đường kính ngoài đầu gần gồm tối thiểu các loại 2.1F (Sai số $\pm \leq 5\%$) và 2.4F (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính ngoài đầu xa gồm tối thiểu các loại 1.7Fr (Sai số $\pm \leq 5\%$) và 1.9Fr (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính trong $\geq 0.015"$. - Chiều dài 1500mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đầu ống thông mềm gồm tối thiểu hai loại: 45 độ và 90 độ. - Có tối thiểu 2 marker ở đầu. - Dùng cho Vòng xoắn kim loại [Coil nút mạch não] loại STT 90 và STT 91. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	160
94	Vi ống thông dùng để nút coil, đầu thẳng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nitinol, bề mặt tráng trơn nhẵn, thân có các vòng lò xo. - Đường kính ngoài đầu gần gồm tối thiểu các loại 2.1F (Sai số $\pm \leq 5\%$) và 2.4F (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính ngoài đầu xa gồm tối thiểu các loại 1.7Fr (Sai số $\pm \leq 5\%$) và 1.9Fr (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính trong $\geq 0.015"$. - Chiều dài 1500mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đầu ống thông mềm gồm tối thiểu hai loại: 45 độ và 90 độ. - Có tối thiểu 2 marker ở đầu. - Dùng cho Vòng xoắn kim loại [Coil nút mạch não] loại STT 90 và STT 91. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	240
95	Vòng xoắn kim loại	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Platinum, lõi bằng Nitinol. - Đường kính sợi coil 0.020"(Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính coil sau khi thả từ $\leq 2\text{mm}$ đến $\geq 30\text{mm}$. - Chiều dài từ $\leq 30\text{mm}$ đến $\geq 600\text{mm}$. - Cắt bằng dụng cụ cơ học. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	500
96	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại III	Sử dụng để cắt Vòng xoắn kim loại cỡ lớn STT 95.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20
97	Vòng xoắn kim loại [Cuộn nút mạch não] loại IV	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Platinum. - Đường kính sợi coil tối thiểu gồm các loại $\leq 0.010"$ đến $\geq 0.014"$. - Đường kính coil sau khi thả từ $\leq 1\text{mm}$ đến $\geq 15\text{mm}$, trong đó có các cỡ 1.5, 2.5, 3.5 mm. - Chiều dài cuộn coil từ $\leq 10\text{mm}$ đến $\geq 500\text{mm}$. - Cắt bằng điện - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	500
98	Vòng xoắn kim loại [Cuộn nút mạch não] loại V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Platinum. Cuộn nút mạch não không nhớ hình dùng để nút túi phình mạch não. - Đường kính sợi coil tối thiểu gồm các loại $\leq 0.010"$ đến $\geq 0.017"$. - Đường kính coil sau khi thả từ $\leq 2\text{mm}$ đến $\geq 24\text{mm}$. - Chiều dài cuộn coil từ $\leq 50\text{mm}$ đến $\geq 500\text{mm}$. - Cắt bằng điện. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	100
99	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại loại IV	<ul style="list-style-type: none"> - Tự phát hiện điểm cắt. - Máy cắt phát hiện và thông báo bằng âm thanh và tín hiệu ánh sáng điểm cắt tốt nhất. Được vô trùng sẵn - Dùng để cắt Vòng xoắn kim loại STT 97 và STT 98 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
100	Vòng xoắn kim loại cỡ 0.018"	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm: 01 coils kèm bộ dây - Coils: - Chất liệu hợp kim Platinum, Có các sợi Dacron giúp cầm máu và tác mạch nhanh. - Hình dạng gồm tối thiểu các loại: Kim cương, hình nón, vòng xoắn lặp lại, thẳng, vòng xoắn, xoắn ốc. - Đường kính từ $\leq 2\text{mm}$ đến $\geq 10\text{mm}$. - Chiều dài : từ $\leq 3\text{mm}$ đến $\geq 15\text{mm}$. - Bộ dây: - Chiều dài: Từ $\leq 2\text{mm}$ đến $\geq 85\text{mm}$. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	600
101	Vòng xoắn kim loại dạng lò xo	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để điều trị gây tác trong các bệnh lý: Dị dạng động tĩnh mạch, thông động tĩnh mạch. - Chất liệu Platinum. Dạng lò xo có sợi bao phủ hoặc tương đương để tác mạch nhanh hơn. - Đường kính từ $\leq 2\text{mm}$ đến $\geq 7\text{mm}$. - Chiều dài từ $\leq 25\text{mm}$ đến $\geq 60\text{mm}$. - Tương thích với dây dẫn 0.021". - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	700
102	Vòng xoắn kim loại gây tác mạch	<ul style="list-style-type: none"> - Vòng xoắn được bao phủ bởi các sợi Dacron. Hình dạng coil có loại loại 2D, kim cương, dạng khối. - Chiều dài 600mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính từ $\leq 2\text{mm}$ đến $\geq 20\text{mm}$. - Có thể thu lại coil để đặt lại khi chưa mở khóa. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	500
103	Dụng cụ bảo vệ ngoại vi	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm: 01 bộ lưới lọc kèm dây dẫn. Dùng để ngăn mảnh xơ vữa. - Bộ lưới lọc: - Chất liệu nitinol. - Đường kính từ $\leq 3\text{mm}$ đến $\geq 7\text{mm}$, gồm tối thiểu 5 loại. - Dây dẫn: - Chiều dài tối thiểu 2 loại 2000mm (Sai số $\pm \leq 5\%$) và 3200mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20
104	Dụng cụ lấy huyết khối mạch máu não	<ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ lấy huyết khối thiết kế mở, gấp cuộn - Đường kính gồm tối thiểu 2 loại loại 4mm (Sai số $\pm \leq 5\%$) và 6 mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Chiều dài sử dụng từ $\leq 20\text{mm}$ đến $\geq 40\text{mm}$. - Dây dẫn: Chiều dài 2000mm (Sai số $\pm \leq 5\%$), Đường kính 0.018" (Sai số $\pm \leq 5\%$) - Dùng tương thích với mạch đường kính từ $\leq 2.0\text{mm}$ đến $\geq 5.5\text{mm}$. - Tương thích với ống thông 0.021". - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	40
105	Dụng cụ nút mạch bằng dù loại I	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Nitinol. - Điều trị cho các mạch đường kính từ $\leq 2\text{mm}$ đến $\geq 12\text{mm}$. - Đường kính dù từ $\leq 4\text{mm}$ đến $\geq 16\text{mm}$, gồm tối thiểu 7 loại. - Chiều dài khi không ép gồm tối thiểu 2 loại 7mm (Sai số $\pm \leq 5\%$) và 8mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Tương thích với dụng cụ mở đường (Sheath) từ 4F - 6F hoặc ống thông can thiệp từ 5F - 8F. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	80

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
106	Dụng cụ nút mạch bằng dù loại II	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Nitinol. Có nhiều điểm tiếp xúc với thành mạch. - Điều trị cho các mạch đường kính từ $\leq 2.0\text{mm}$ đến $\geq 16\text{mm}$. - Đường kính dù từ $\leq 3\text{mm}$ đến $\geq 22\text{mm}$, gồm tối thiểu 10 loại. - Chiều dài khi không ép từ $\leq 6\text{mm}$ đến $\geq 18\text{mm}$, gồm tối thiểu 8 loại. - Thích với dụng cụ mở đường (Sheath) cỡ từ 4F - 7F hoặc ống thông can thiệp cỡ từ 5F - 9F. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	120
107	Dụng cụ nút mạch bằng dù loại III	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Nitinol. Dùng cho các dị dạng tĩnh mạch tĩnh, dị mạng mạch máu phổi.... Có nhiều điểm tiếp xúc với thành mạch. - Điều trị cho các mạch đường kính từ $\leq 2.6\text{mm}$ đến $\geq 6\text{mm}$. - Đường kính từ $\leq 4\text{mm}$ đến $\geq 8\text{mm}$, gồm tối thiểu 5 loại. - Chiều dài khi không ép từ $\leq 10\text{mm}$ đến $\geq 13\text{mm}$. - Tương thích với ống thông chẩn đoán cỡ 5F. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	20
108	Dây dẫn dùng trong can thiệp loại I	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp ngoài là Polyurethane, bên trong có lớp cuộn chất liệu Vonfram hoặc tương đương để tăng độ cứng. Lõi là hợp kim Nitinol. Có lớp phủ ái nước hydrophobic. - Hình dạng đầu tip tối thiểu các loại: Đầu thẳng, góc 45 độ hoặc hình chữ J. - Chiều dài 1500mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Chiều dài của phần đầu linh hoạt 30mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính cỡ 0.035" (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	200
109	Dây dẫn dùng trong can thiệp loại II	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp ngoài là Polyurethane, bên trong có lớp cuộn chất liệu Vonfram hoặc tương đương để tăng độ cứng. Lõi là hợp kim Nitinol. Có lớp phủ ái nước hydrophobic. - Hình dạng đầu tip tối thiểu các loại: Đầu thẳng, góc 45 độ hoặc hình chữ J. - Chiều dài 2600mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Chiều dài của phần đầu linh hoạt 30mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đường kính cỡ 0.035" (Sai số $\pm \leq 5\%$). - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	200
110	Dây dẫn dùng để đặt stent đường mật	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc phẳng phía ngoài dây, phần đầu được vuốt thon dần. - Đường kính 0.035" (Sai số $\pm \leq 5\%$) - Chiều dài từ $\leq 750\text{mm}$ đến $\geq 2600\text{mm}$. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	400
111	Dụng cụ đóng mạch máu	<ul style="list-style-type: none"> Bao gồm các thành phần: - 01 dây dẫn cỡ gồm 2 loại 0.035" và 0.038", chiều dài 700mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). - 01 dilator (que nong), đầu có móc neo và collagen tự tiêu sinh học hấp thụ trong vòng từ 60 - 90 ngày. hoặc tương đương có tác dụng cầm máu kèm 01 sợi chỉ tự tiêu - 01 sheath, đường kính gồm tối thiểu 2 loại 6Fr và 8Fr - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	500
112	Khóa nối chữ Y	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm: van cầm máu được gắn với dây nối và khóa 3 chạc, torque và kim đi kèm. - Bộ van cầm máu giúp ngăn máu chảy ngược trở lại và mất máu, hỗ trợ các thiết bị liên quan thâm nhập vào mô mạch từ bên ngoài cơ thể và khóa vị trí của thiết bị. - Bộ van cầm máu có tối thiểu các loại: xoáy, dây kéo và dây bấm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	200
113	Bóng tắc mạch não không dây	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu cao su thiên nhiên, có thể tách rời. - Thể tích bóng từ $\leq 0.25\text{ml}$ đến $\geq 0.75\text{ml}$. - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	200

TT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch
114	Dụng cụ lấy dị vật loại I	Bao gồm: Vòng dây, ống thông, bộ đẩy Vòng dây: Chất liệu nitinol, dạng thông lỏng. Đường kính từ ≤ 2mm đến ≥ 7mm. Ống thông: Chiều dài từ ≤ 1500mm đến ≥ 1700mm. Bộ đẩy: Chiều dài từ ≤ 1800mm đến ≥ 2000mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	50
115	Dụng cụ lấy dị vật loại II	Bao gồm: Vòng dây, ống thông, bộ đẩy - Vòng dây: Chất liệu nitinol, dạng thông lỏng. Đường kính từ ≤ 5mm đến ≥ 35mm. - Ống thông: Chiều dài từ ≤ 480mm đến ≥ 1000mm. - Bộ đẩy: Chiều dài từ ≤ 650mm đến ≥ 1200mm. - Đóng gói tiệt trùng sẵn.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	50
116	Bộ thủ thuật tiết trùng	Một bộ bao gồm: - 01 khăn trải bàn kích thước chiều dài x rộng 90x100cm (Sai số mỗi chiều ± ≤ 5%), được làm từ plastic màu không thấm nước, đảm bảo nguyên tắc vô trùng trong phòng mổ. - 01 khăn kích thước chiều dài x rộng: 120x200cm (Sai số mỗi chiều ± ≤ 5%), có lỗ có keo Ø10cm (Sai số ± ≤ 5%), được cấu tạo từ vải không dệt, 3 lớp không thấm cồn, chống tĩnh điện. Lỗ tròn đường kính 10cm (Sai số ± ≤ 5%) với băng keo y tế xung quanh lỗ; - 01 kéo Kocher 14cm (Sai số ± ≤ 5%) bằng nhựa y tế dùng một lần; - 01 chén nhựa dung tích tối thiểu 250ml bằng nhựa y tế dùng một lần. - Đóng gói tiệt trùng sẵn.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	6.800
117	Sonde JJ loại để trong cơ thể 1 năm	- Sonde JJ loại để trong cơ thể 1 năm. - Đường kính gồm tối thiểu các loại 6Fr và 7Fr. - Chiều dài gồm từ ≤ 260mm đến ≥ 280mm, gồm tối thiểu 2 loại. - Thương thích với dây dẫn 0.035" hoặc dây dẫn 0.038". - Đóng gói tiệt trùng sẵn.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	900
118	Bộ kim chọc tạo đường thông cửa chủ trong gan qua đường tĩnh mạch cánh	Bao gồm: - 02 Ống thông: 01 ống đường kính 5F (Sai số ± ≤ 5%), chiều dài 800mm (Sai số ± ≤ 5%) 01 ống đường kính 6F (Sai số ± ≤ 5%), chiều dài 700mm (Sai số ± ≤ 5%) - 01 sheath đường kính 7F (Sai số ± ≤ 5%). - 01 Ống thông để điều chỉnh kim đường kính 13G. - 01 Kim chọc chất liệu nitinol, đường kính 17G, chiều dài tối thiểu 700mm. - 01 Kẹp dẹt - Đóng gói tiệt trùng sẵn.	Theo quy cách nhà sản xuất	Bộ	10
119	Dây bơm thuốc cân quang áp lực cao	Dây dẫn dài tối thiểu 1500mm, chịu áp lực cao đến 1200psi, sử dụng cho máy bơm tiêm cân quang loại 1 nòng trong chụp mạch DSA.	Theo quy cách nhà sản xuất	Cái	1.200

Tổng cộng: 119 Mặt hàng

